

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-39
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-39

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Số: 578/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 29 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.049.994.361.588	1.208.694.628.957
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.049.967.071	241.533.791.654
111	1. Tiền		10.049.967.071	81.533.791.654
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	160.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.968.540.785	17.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.968.540.785	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		914.435.860.960	806.957.395.532
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	438.274.903.218	163.968.256.574
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	439.330.396.968	592.326.696.489
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.296.775.124	54.128.656.819
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.466.214.350)	(3.466.214.350)
140	IV. Hàng tồn kho	9	105.048.476.801	117.446.506.134
141	1. Hàng tồn kho		105.048.476.801	117.446.506.134
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.491.515.971	25.756.935.637
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.412.713.832	8.891.864.437
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		78.802.139	9.348.894.295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	7.516.176.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.003.623.354.697	954.698.889.952
220	II. Tài sản cố định		226.686.551.172	249.363.589.561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	143.452.273.263	162.588.148.122
222	- Nguyên giá		164.491.786.752	180.067.675.325
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.039.513.489)	(17.479.527.203)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	83.234.277.909	86.775.441.439
228	- Nguyên giá		83.234.277.909	86.775.441.439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	135.676.503.875	60.380.817.701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		135.676.503.875	60.380.817.701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	341.924.648.666	320.149.538.963
251	1. Đầu tư vào công ty con		119.601.626.363	119.601.626.363
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	295.089.294.645
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(82.841.272.342)	(94.541.382.045)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.075.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		299.335.650.984	324.804.943.727
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	299.335.650.984	324.804.943.727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.053.617.716.285	2.163.393.518.909

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.216.923.074.243	1.375.492.410.071
310	I. Nợ ngắn hạn		847.053.794.243	1.074.379.304.986
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	118.362.097.036	283.407.107.588
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.416.797.908	1.063.031.827
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.765.052.811	11.556.062
314	4. Phải trả người lao động		-	663.252.308
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	187.500.000	348.628.543
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	23.830.207.192	1.705.995.410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	691.543.374.099	783.315.840.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.948.765.197	3.863.893.248
330	II. Nợ dài hạn		369.869.280.000	301.113.105.085
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	369.869.280.000	301.113.105.085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		836.694.642.042	787.901.108.838
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	836.694.642.042	787.901.108.838
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	693.299.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	693.299.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.249.100.000)	(3.001.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.761.921.400	7.727.786.496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		136.882.540.642	89.875.142.342
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86.756.135.489	70.372.214.981
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		50.126.405.153	19.502.927.361
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.053.617.716.285	2.163.393.518.909

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.707.255.490.190	2.461.234.745.639
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.707.255.490.190	2.461.234.745.639
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.612.291.920.188	2.360.349.565.582
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.963.570.002	100.885.180.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	6.575.772.061	13.977.547.822
22	7. Chi phí tài chính	24	18.489.695.328	72.683.322.125
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		27.088.345.254	26.475.378.740
25	8. Chi phí bán hàng	25	15.347.484.421	22.555.543.484
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.488.795.265	4.065.555.225
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		62.213.367.049	15.558.307.045
31	11. Thu nhập khác	27	2.060.719.217	975.938.131
32	12. Chi phí khác	28	1.602.945.100	226.901.292
40	13. Lợi nhuận khác		457.774.117	749.036.839
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.671.141.166	16.307.343.884
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	12.544.736.013	3.272.076.377
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>50.126.405.153</u>	<u>13.035.267.507</u>

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		62.671.141.166	16.307.343.884
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.952.977.246	3.473.367.548
03	- Các khoản dự phòng		(11.700.109.703)	43.415.019.983
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(892.367)	97.807.675
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(509.709.374)	(2.602.870.338)
06	- Chi phí lãi vay		27.088.345.254	26.475.378.740
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		84.501.752.222	87.166.047.492
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(75.807.014.858)	277.814.645.262
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.398.029.333	121.286.801.108
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(142.319.021.724)	(74.408.211.616)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		25.948.443.348	(321.602.816.770)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.274.751.575)	(25.790.934.296)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(300.000.000)	(17.541.745.892)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(123.852.563.254)	46.923.785.288
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.399.822.032)	(118.705.298.518)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		17.000.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.075.000.000)	(3.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(56.713.780.885)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.105.139.550	2.773.990.775
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(84.369.682.482)	(176.245.088.628)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(248.000.000)	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.154.402.524.886	1.414.563.307.355
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.177.418.815.872)	(1.515.332.277.726)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(30.517.800.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(23.264.290.986)	(131.286.770.496)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(231.486.536.722)	(260.608.073.836)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		241.533.791.654	300.291.079.527
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.712.139	(97.807.675)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>10.049.967.071</u>	<u>39.585.198.016</u>

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 0 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình

Chi nhánh Công ty tại Cao Bằng

Văn phòng đại diện Móng Cái

Nhà máy NPK Thủy Nguyên

Địa chỉ

Quảng Bình

Cao Bằng

Quảng Ninh

Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính

Thương mại và dịch vụ

Thương mại và dịch vụ

Thương mại và dịch vụ

Sản xuất phân bón

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân kỳ kế toán (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đều ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Đại hội là điều kiện hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	956.616.947	1.060.787.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.093.350.124	80.473.004.484
Các khoản tương đương tiền	-	160.000.000.000
	<u>10.049.967.071</u>	<u>241.533.791.654</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
	22.043.540.785	22.043.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	119.601.626.363	118.977.562.666	(624.063.697)	119.601.626.363
- Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	13.720.000.000	13.720.000.000	-	13.720.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	105.257.562.666	(624.063.697)	105.881.626.363
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	212.872.086.000	(82.217.208.645)	200.547.912.600
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	212.872.086.000	(82.217.208.645)	200.547.912.600
	414.690.921.008	331.849.648.666	(82.841.272.342)	320.149.538.963
				(94.541.382.045)
				(94.541.382.045)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	98,00%	98,00%	Hoạt động thương mại các sản phẩm phục vụ công nghiệp
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	51,00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

Thông tin chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật tư Xuất nhập khẩu Hóa chất

Theo nghị quyết số 02-09/2016/NQ-HĐQT ngày 13/09/2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình thực hiện chuyển nhượng 1.132.500 cổ phiếu (tương ứng 14,71% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất cho 02 nhà đầu tư cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau chuyển nhượng là 36,29%. Tháng 11/2016, Công ty đã được 02 nhà đầu tư cá nhân trên ủy quyền đại diện phân vốn của họ tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty sau ngày ủy quyền là 51%, Công ty tiếp tục chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư và XNK Hóa chất. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty con".

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Hải Phòng	19,17%	19,17%	Sản xuất phân bón

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Hoàng Trung	28.356.655.913	31.521.655.913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy	16.966.981.350	19.749.687.889
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	32.383.503.232	30.410.278.881
Công ty Sw Intertrade Trading	25.301.114.004	24.797.359.446
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	53.179.321.647	101.294.446
Ông Nguyễn Lê Thuấn	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	254.330.543.999	9.361.856.852
Các khoản phải thu khách hàng khác	27.756.783.073	24.026.123.147
	<u><u>438.274.903.218</u></u>	<u><u>163.968.256.574</u></u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	438.274.903.218	163.968.256.574
	<u><u>438.274.903.218</u></u>	<u><u>163.968.256.574</u></u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u><u>53.179.321.647</u></u>	<u><u>101.294.446</u></u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	168.673.963.097	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	15.705.053.500	-	40.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư AFC	-	-	99.701.750.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	-	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân Bón Đình Vũ	34.239.321.140	-	7.786.000.000	-
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	78.137.386.843	-	7.476.948.984	-
Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam	55.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Dũng Huy	99.997.050.000	-	47.034.134.000	-
Trả trước cho người bán khác	156.251.585.485	-	181.653.900.408	-
	<u><u>439.330.396.968</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>592.326.696.489</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	146.927.084	-	2.770.667.422	-
Phải thu lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	5.347.569.979	-	3.762.650.648	-
Tạm ứng	17.633.889.531	-	13.389.438.085	-
Ký cược, ký quỹ	14.284.402.998	-	31.075.237.237	-
Cho mượn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	232.836.629	-	2.006.017.341	-
Lãi vay trả trước	606.388.889	-	-	-
Phải thu khác	54.760.024	-	124.646.086	-
	40.296.775.124	-	54.128.656.819	-

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Các khoản khác	3.466.214.350	-	3.466.214.350	-
	3.466.214.350	-	3.466.214.350	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.022.401.253	-	24.292.250.578	-
Công cụ, dụng cụ	403.031.290	-	47.838.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.710.020.522	-	4.793.767.533	-
Thành phẩm	25.531.535.836	-	19.966.462.084	-
Hàng hoá	50.381.487.900	-	68.346.187.249	-
	105.048.476.801	-	117.446.506.134	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	135.676.503.875	60.380.817.701
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	2.253.587.464	205.215.302
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	133.422.916.411	60.175.602.399
	135.676.503.875	60.380.817.701

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	86.465.622.694		65.269.464.327	26.287.841.846	2.044.746.458						180.067.675.325
- Mua trong kỳ	-		-	545.454.545	687.077.909						1.232.532.454
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.638.836.579		-	-	-						1.638.836.579
- Thanh lý, nhượng bán	(18.413.433.134)		-	-	(33.824.472)						(18.447.257.606)
Số dư cuối kỳ	69.691.026.139		65.269.464.327	26.833.296.391	2.697.999.895						164.491.786.752
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	12.835.987.633		882.710.813	3.021.780.656	739.048.101						17.479.527.203
- Khấu hao trong kỳ	3.237.404.831		2.218.087.698	1.365.739.254	131.745.463						6.952.977.246
- Thanh lý, nhượng bán	(3.378.897.440)		-	-	(14.093.520)						(3.392.990.960)
Số dư cuối kỳ	12.694.495.024		3.100.798.511	4.387.519.910	856.700.044						21.039.513.489
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	73.629.635.061		64.386.753.514	23.266.061.190	1.305.698.357						162.588.148.122
Tại ngày cuối kỳ	56.996.531.115		62.168.665.816	22.445.776.481	1.841.299.851						143.452.273.263
<i>Trong đó:</i>											
-											
-											

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 54.006.282.801 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.768.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	86.775.441.439
- Thanh lý, nhượng bán	(3.541.163.530)
Số dư cuối kỳ	<u>83.234.277.909</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>86.775.441.439</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>83.234.277.909</u></u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.772.785.980	7.867.712.010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	235.498.831	265.819.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	404.429.021	758.333.335
	<u><u>8.412.713.832</u></u>	<u><u>8.891.864.437</u></u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	280.287.076.380	314.640.611.052
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	1.697.904.381	3.333.665.295
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.600.990.343	4.351.898.676
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	5.242.215.287	2.478.768.704
Chi phí thuê đất nhà máy sản xuất NPK	6.511.431.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.996.033.593	-
	<u><u>299.335.650.984</u></u>	<u><u>324.804.943.727</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
MARUBENI CORPORATION	-	-	28.996.717.355	28.996.717.355
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hoá chất	57.159.751.897	57.159.751.897	60.851.751.400	60.851.751.400
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	378.758.912	378.758.912	153.361.399.576	153.361.399.576
Công ty TNHH TMDV Hiệp	1.514.647.014	1.514.647.014	23.139.322.014	23.139.322.014
Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mô Việt Bắc - MICCO	27.958.000.000	27.958.000.000	-	-
Công ty SW Intertrade Trading	7.232.890.500	7.232.890.500	-	-
Phải trả các đối tượng khác	24.118.048.713	24.118.048.713	17.057.917.243	17.057.917.243
	118.362.097.036	118.362.097.036	283.407.107.588	283.407.107.588
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	118.362.097.036	118.362.097.036	283.407.107.588	283.407.107.588
	118.362.097.036	118.362.097.036	283.407.107.588	283.407.107.588
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số .)				
	3.796.489.535	3.796.489.535	3.566.953.046	3.566.953.046

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.317.610	-	4.462.557.053	4.459.239.443	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	33.176.093	-	4.252.393.202	4.219.217.109	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.479.683.202	-	12.544.736.013	300.000.000	-	4.765.052.811
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.556.062	-	11.556.062	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.569.500	7.569.500	-	-
	7.516.176.905	11.556.062	21.267.255.768	8.997.582.114	-	4.765.052.811

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	187.500.000	348.628.543
	187.500.000	348.628.543

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	115.713.232	77.155.232
- Bảo hiểm xã hội	104.048.065	-
- Bảo hiểm y tế	18.402.053	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.098.420	-
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	23.583.945.422	1.628.840.178
	23.830.207.192	1.705.995.410

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	775.941.200.000	775.941.200.000	1.079.697.837.386	1.164.282.983.287	691.356.054.099	691.356.054.099
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	252.600.000.000	252.600.000.000	468.486.245.000	370.578.745.000	350.507.500.000	350.507.500.000
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	55.855.500.000	55.855.500.000	36.892.387.085	91.595.435.451	1.152.451.634	1.152.451.634
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	185.096.000.000	185.096.000.000	250.603.432.107	377.699.432.107	58.000.000.000	58.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	149.583.500.000	149.583.500.000	110.737.500.000	149.583.500.000	110.737.500.000	110.737.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	132.806.200.000	132.806.200.000	6.506.550.729	139.312.750.729	-	-
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng ⁽⁵⁾	-	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁶⁾	-	-	85.333.120.000	35.513.120.000	49.820.000.000	49.820.000.000
- Ngân hàng Hong Leong ⁽⁷⁾	-	-	1.138.602.465	-	1.138.602.465	1.138.602.465
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.374.640.000	7.374.640.000	-	7.187.320.000	187.320.000	187.320.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	187.320.000	187.320.000	187.320.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
	783.315.840.000	783.315.840.000	1.079.697.837.386	1.171.470.303.287	691.543.374.099	691.543.374.099

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁸⁾	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁹⁾	749.280.000	749.280.000	-	-	749.280.000	749.280.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	160.363.825.085	160.363.825.085	54.704.687.500	5.948.512.585	209.120.000.000	209.120.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹¹⁾	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng ⁽¹²⁾	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
	301.113.105.085	301.113.105.085	74.704.687.500	5.948.512.585	369.869.280.000	369.869.280.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ phương án sản xuất kinh doanh 2016-2017;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/12/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ theo chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 350.507.500.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

- (2) Hợp đồng tín dụng số BBL-HN/03/2016 ngày 14/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 6.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Tài trợ mua nguyên vật liệu và các nhu cầu vốn khác phục vụ sản xuất kinh doanh hóa chất và các sản phẩm phân bón;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay từ 04 tháng đến 1 năm, được xác định theo mục đích khoản vay;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định cụ thể theo từng lần nhận nợ và theo mục đích khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.152.451.634 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

- (3) Hợp đồng tín dụng số HN/LO2015/0048 ngày 15/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 7.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay bằng USD được xác định bằng chi phí vốn + 2%/năm; lãi suất vay bằng VND bằng lãi suất cơ bản + 2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 55.855.500.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, bao gồm thế chấp các khoản phải

- (4) Hợp đồng tín dụng số 7108.17.251.831595.TD ngày 08/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán, L/C là 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức tín dụng được tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/02/2018. Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không quá 04 tháng/khế ước.
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 110.737.500.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

- (5) Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HỆTD ngày 18/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

- (6) Hợp đồng tín dụng số 0582/17/HỆTDHM-DN/099 ngày 07/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất các sản phẩm phân bón, hóa chất phân bón;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 07/03/2017 đến 07/03/2018;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 49.820.000.000 đồng.
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của nhà máy NPK.

- (7) Hợp đồng tín dụng số HN/2017/03/BCB/HỆTD ngày 25/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD (Bằng chữ: Ba triệu đô la mỹ);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký đến hết ngày 15/04/2018, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

- (8) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 06/2015/HỆVV/ĐN-QBF ngày 03/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HỆVV/ĐN-QBF ngày 20/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền vay: 140.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng 06/2015/HỆVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 31/12/2017; Thời hạn của khoản vay theo Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HỆVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 27/11/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay được đảm bảo theo hình tín chấp.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 502.14.251.831595.TD ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.873.200.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe BMW 528i;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 749.280.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi với số tiền là 90.000
- (10) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HỆTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015, với các điều khoản sau:
- + Hạn mức tín dụng: 231.495.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Các khoản nợ được dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay các khoản nợ là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 209.120.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- (11) Hợp đồng tín dụng số 1634/17/HỆTDTDH-DN/099 ngày 17/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ đắp phần vốn đầu tư Nhà máy NPK tại Thủy Nguyên, Hải Phòng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- (12) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HỆVV/QBCB-QBF ngày 20/03/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn);
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 31/03/2017 đến hết ngày 30/09/2018;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay cố định là 7,5%/năm, trả lãi 03 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

1020
CÔ
ÁCHN
ÊM
IÂM
VIỆ
HX

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.001.100.000)	7.727.786.496	89.875.142.342	787.901.108.838
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	50.126.405.153	50.126.405.153
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.034.134.904	(3.119.006.853)	(1.084.871.949)
Giảm khác	-	(248.000.000)	-	-	(248.000.000)
Số dư cuối kỳ này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	136.882.540.642	836.894.642.042

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-DHCD ngày 24/03/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	13.560.899.357
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2.034.134.904
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	1.084.871.949
Lợi nhuận chưa phân phối	77,00%	10.441.892.504

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	100.000.000.000	14,42%	100.000.000.000	14,42%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Ông Daniel Rodney Badger	54.679.500.000	7,89%	54.679.500.000	7,89%
Cổ đông khác	446.613.990.000	64,42%	446.613.990.000	64,42%
	693.299.280.000	100%	693.299.280.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	639.999.280.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693.299.280.000	639.999.280.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693.299.280.000	639.999.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	44.799.949.600

d) Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

đ) Cổ tức	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	44.799.949.600
	<u>-</u>	<u>44.799.949.600</u>

e) Các quỹ công ty	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
	Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400
	<u>9.761.921.400</u>	<u>7.727.786.496</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	112.374,03	1.444.931,45

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.571.372.772.435	2.328.408.202.285
Doanh thu bán thành phẩm	55.656.737.600	36.389.381.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.225.980.155	96.437.162.354
	<u>1.707.255.490.190</u>	<u>2.461.234.745.639</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.540.148.614.188	2.311.894.821.053
Giá vốn của thành phẩm đã bán	45.511.139.006	33.094.479.823
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.632.166.994	15.360.264.706
	<u>1.612.291.920.188</u>	<u>2.360.349.565.582</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.105.139.550	2.602.870.338
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.783.142.626	9.011.532.595
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	686.597.518	2.363.144.889
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	892.367	-
	<u>6.575.772.061</u>	<u>13.977.547.822</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.088.345.254	26.475.378.740
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	319.704.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.781.392.777	2.067.446.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	97.807.675
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(11.700.109.703)	44.042.688.983
Chi phí tài chính khác	363.000	-
	<u>18.489.695.328</u>	<u>72.683.322.125</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.294.036	128.458.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.563.540	287.130.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.191.165.927	21.845.594.953
Chi phí khác bằng tiền	2.852.460.918	294.359.745
	15.347.484.421	22.555.543.484

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181.236.042	251.278.284
Chi phí nhân công	2.186.020.513	2.141.541.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	944.277.267	1.030.001.250
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	6.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(627.669.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.457.920.156	1.119.523.040
Chi phí khác bằng tiền	714.341.287	144.880.624
	5.488.795.265	4.065.555.225

27 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tiền phạt thu được	2.059.664.216	732.978.007
Thu nhập khác	1.055.001	242.960.124
	2.060.719.217	975.938.131

28 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.595.430.176	-
Chi phí khác	7.514.924	226.901.292
	1.602.945.100	226.901.292

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.671.141.166	16.307.343.884
Các khoản điều chỉnh tăng	52.538.899	53.038.000
- Chi phí không hợp lệ	52.538.899	53.038.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	62.723.680.065	16.360.381.884
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.544.736.013	3.272.076.377

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.900.171.519	28.237.759.236
Chi phí nhân công	3.788.497.016	3.456.513.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.952.977.246	3.473.367.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.197.805.844	24.757.781.924
Chi phí khác bằng tiền	3.787.481.112	602.372.651
	74.626.932.737	60.527.794.373

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.049.967.071	-	241.533.791.654	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	478.571.678.342	(3.466.214.350)	218.096.913.393	(3.466.214.350)
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	-	17.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	305.164.294.645	(82.841.272.342)	295.089.294.645	(94.541.382.045)
	<u>805.754.480.843</u>	<u>(86.307.486.692)</u>	<u>771.719.999.692</u>	<u>(98.007.596.395)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.061.412.654.099	1.084.428.945.085
Phải trả người bán, phải trả khác	142.192.304.228	285.113.102.998
Chi phí phải trả	187.500.000	348.628.543
	<u>1.203.792.458.327</u>	<u>1.369.890.676.626</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.049.967.071	-	-	10.049.967.071
Phải thu khách hàng, phải thu khác	475.105.463.992	-	-	475.105.463.992
Đầu tư ngắn hạn	11.968.540.785	-	-	11.968.540.785
Đầu tư dài hạn	-	222.323.022.303	-	222.323.022.303
	<u>497.123.971.848</u>	<u>222.323.022.303</u>	<u>-</u>	<u>719.446.994.151</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	241.533.791.654	-	-	241.533.791.654
Phải thu khách hàng, phải thu khác	214.630.699.043	-	-	214.630.699.043
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	200.547.912.600	-	200.547.912.600
	<u>473.164.490.697</u>	<u>200.547.912.600</u>	<u>-</u>	<u>673.712.403.297</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	691.543.374.099	369.869.280.000	-	1.061.412.654.099
Phải trả người bán, phải trả khác	142.192.304.228	-	-	142.192.304.228
Chi phí phải trả	187.500.000	-	-	187.500.000
	<u>833.923.178.327</u>	<u>369.869.280.000</u>	<u>-</u>	<u>1.203.792.458.327</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	783.315.840.000	301.113.105.085	-	1.084.428.945.085
Phải trả người bán, phải trả khác	285.113.102.998	-	-	285.113.102.998
Chi phí phải trả	348.628.543	-	-	348.628.543
	<u>1.068.777.571.541</u>	<u>301.113.105.085</u>	<u>-</u>	<u>1.369.890.676.626</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.822.889.739	50.556.057.943
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		61.742.741.755	50.508.057.943
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Công ty con	48.000.000	48.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty con	3.032.147.984	-
Giao dịch mua hàng		55.069.072.822	888.643.635
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty con	55.069.072.822	888.643.635
Lãi vay phải trả		187.500.000	-
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Công ty con	187.500.000	-
Lãi thanh toán trả chậm		42.471.058	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu	Công ty con	42.471.058	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		53.179.321.647	101.294.446
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		53.179.321.647	101.294.446
Phải thu khác		2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty con	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		3.796.489.535	3.566.953.046
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		3.546.685.535	3.566.953.046
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Công ty con	249.804.000	-
Phải trả khác		23.583.945.422	1.628.840.178
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (*)		23.583.945.422	1.628.840.178

(*) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	188.345.737	644.504.479

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm định và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm định và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) soát xét.



Trần Thị Yên Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**
Số:0306/2017/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00*****

Hải Phòng, ngày 23 tháng 08 năm 2017

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC tài chính giữa niên độ (cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017) như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD của Công ty đạt 50,126 tỷ đồng, tăng 37,091 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2016. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty đạt 1.707,255 tỷ đồng, giảm 753.979 tỷ đồng tương ứng giảm 30,63% so với 6 tháng đầu năm 2016. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 7,401 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2016, tương ứng giảm 52,95%. Thu nhập khác tăng 1,084 tỷ tương ứng tăng 111,15% so với 6 tháng đầu năm 2016 do 6 tháng đầu năm 2017 thực hiện chuyển nhượng dự án điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu và kho ngoại quan tại thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 748,057 tỷ đồng, tương ứng giảm 31,69% so với 6 tháng đầu năm 2016. Chi phí tài chính giảm 54,193 tỷ đồng tương ứng giảm 74,56% so với 6 tháng đầu năm 2016 do trong 6 tháng đầu năm 2017 Công ty đã thực hiện hoàn nhập trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 11,7 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm 2016 công ty trích lập dự phòng tài chính là 44,042 tỷ. Chi phí khác tăng 1,376 tỷ so với 6 tháng đầu năm 2016 tương ứng tăng 606,45 %.



- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 tăng 37,091 tỷ đồng tương ứng tăng 284,54% so với 6 tháng đầu năm 2016.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Hương